

Bản án số: 214/2025/HS-PT

Ngày: 27/8/2025

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thành Quang;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Ông Ngô Quang Dũng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Nhật Phong - Thư ký viên.

**Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tấn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27/8/2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 31/2025/TLPT-HS ngày 09/7/2025 đối với bị cáo L phạm tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 351/2025/HS-ST ngày 29/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- **Bị cáo L**, Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1981; Quốc tịch: Liên Bang Nga; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 7525586xx; cấp ngày 17/11/2015; Nơi cấp: Liên Bang Nga; Nơi thường trú: Căn hộ 44, số 42 đường R, K, Liên Bang Nga; Nơi ở: 198 P, phường C, quận B, thành phố Hà Nội (nay là phường N, thành phố Hà Nội) và 16 T, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường N, tỉnh Khánh Hòa); Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH dịch vụ và du lịch L; Con ông: V, sinh năm: 1954 (đã chết); Con bà: E, sinh năm: 1949; Chồng: G, sinh năm: 1982; Con: K, sinh năm: 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 08/10/2024. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

+ **Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Trần Đình Ph và Luật sư Đặng Đình P, Công ty Luật TNHH K, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

- **Người phiên dịch:** Bà Lê Minh Ng - Giảng viên khoa Tiếng Nga, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

- **Đại diện Đại sứ quán Nga:** Ông K - Phó trưởng phòng Lãnh sự Đại sứ

quán Nga tại Hà Nội và bà Nguyễn Lê Th - Trợ lý Lãnh sự Đại sứ quán Nga tại Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/01/2024, Cơ quan An ninh điều tra - Công an thành phố Hà Nội nhận được phiếu chuyển đơn số 405 của Cơ quan An ninh điều tra - Bộ Công an có nội dung tố cáo L là công dân Nga thành lập ra các Công ty: Công ty TNHH dịch vụ và du lịch L - MST: 42017278xx, Công ty TNHH A - MST: 01103546xx; Công ty TNHH D - MST: 01103668xx; Công ty TNHH V - MST 42018771xx đều có trụ sở hoạt động tại 198 P, phường C, quận B, thành phố Hà Nội nhận làm các dịch vụ giấy mời người nước ngoài, lập và quản lý công ty, bao gồm cả việc kê khai thuế, xin và gia hạn visa, xin giấy phép lao động, xin thẻ cư trú cho người nước ngoài. Ngoài ra L còn chỉ đạo nhân viên người Việt Nam ký giả chữ ký của khách hàng để nộp hồ sơ vào các cơ quan chức năng Việt Nam như Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép.

Căn cứ kết quả điều tra, ngày 02/5/2024, Cơ quan điều tra ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự *“Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép, xảy ra tại Hà Nội”*; ngày 08/10/2024, ra Quyết định thay đổi Quyết định khởi tố vụ án hình sự từ *“Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép, xảy ra tại Hà Nội”* thành *“Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép, xảy ra tại Hà Nội”* và ra Quyết định khởi tố bị cáo, Lệnh bắt bị cáo để tạm giam đối với L về tội *“Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”* quy định tại Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Kết quả điều tra xác định: Năm 2017, L thành lập và làm Giám đốc Công ty TNHH dịch vụ và du lịch L, trụ sở tại địa chỉ 198 P, phường C, quận B (*trước đây đăng ký kinh doanh tại 35 Đ, phường Đ, quận B, TP Hà Nội*); Lĩnh vực kinh doanh: dịch vụ đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ xin gia hạn visa, hồ sơ xin bảo lãnh người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam, gia hạn tạm trú, xin bản quyền tác giả. Quá trình hoạt động kinh doanh, L sử dụng Công ty L nhận tư vấn, quản lý cho 02 doanh nghiệp:

- **Công ty TNHH** , MST: 01098988xx, địa chỉ: tầng 4 tòa nhà T, 35 L, phường N, quận T, Hà Nội dịch vụ tư vấn, quản lý thuế và ngân hàng.

- **Công ty TNHH các dịch vụ C**, MST: 42018597xx, địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà D, 107 N, phường D, quận C, Hà Nội tư vấn, quản lý thuế, ngân hàng, bảo lãnh người nước ngoài vào Việt Nam.

Để thuận tiện trong việc thực hiện tư vấn, quản lý, L đã giữ dấu tròn và một số tài liệu của 02 Công ty trên. Lợi dụng việc tư vấn, quản lý, L đã tự ý sử dụng danh nghĩa Công ty TNHH P và Công ty TNHH các dịch vụ C để bảo lãnh cho 09 người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam, cụ thể:

***Với danh nghĩa Công ty TNHH P bảo lãnh 04 người:***

- Kulyk A, sinh năm: 1986, quốc tịch Ucraina, hộ chiếu: FH0268xx theo diện chuyên gia vào làm việc.

- Kumenzo A, sinh năm: 1983, quốc tịch Ucraina, hộ chiếu: FH6247xx theo diện chuyên gia vào làm việc.

- Shestakova V, sinh năm: 2001, quốc tịch Ucraina, hộ chiếu: GB6972xx theo diện chuyên gia vào làm việc (chưa có thông tin nhập cảnh).

- Ignatyuk O, sinh năm: 2001, quốc tịch Ucraina, hộ chiếu: FZ0444xx theo diện chuyên gia vào làm việc (chưa có thông tin nhập cảnh).

***Với danh nghĩa Công ty TNHH các dịch vụ C bảo lãnh 05 người:***

- Chertikhin A, sinh năm: 1984, quốc tịch Nga, hộ chiếu: 7673461xx theo diện chuyên gia vào làm việc;

- Volkov E, sinh năm: 1994, quốc tịch Nga, hộ chiếu: 7273465xx theo diện chuyên gia vào làm việc;

- Hychko I, sinh năm: 1962, quốc tịch Ucraina, hộ chiếu: FP3695xx theo diện chuyên gia vào làm việc;

- Hychko M, sinh năm: 1961, quốc tịch Ucraina, hộ chiếu: FP3699xx theo diện thành viên gia đình đi kèm.

- Kostritsov N, sử dụng thị thực AI 18264xx để nhập cảnh vào Việt Nam.

Quá trình làm thủ tục bảo lãnh cho 09 người nước ngoài trên, L tự ký, đóng dấu vào hồ sơ bảo lãnh và không thông báo cho các Công ty trên biết. L đã chỉ đạo 02 nhân viên Công ty TNHH dịch vụ và du lịch L là Vũ Thị Kim Ph soạn thảo hồ sơ và Đinh Hương G nộp hồ sơ bảo lãnh cho người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam và nộp tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an.

Kết quả xác minh tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an: 07/09 khách trên đã nhập cảnh vào Việt Nam là Kulyk A, Kumenzo A, Chertikhin A, Volkov E, Hychko I, Hychko M, Kostritsov N.

Kết quả xác minh tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 01 (một) người nước ngoài (*Chertikhin A*) đã được cấp Giấy phép lao động theo diện chuyên gia (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cung cấp hồ sơ giấy phép lao động của khách trên). Số người còn lại không được cấp Giấy phép lao động nên đã xuất cảnh hoặc xin gia hạn visa với lý do chiến tranh Ucraina - Nga, sau đó chuyển thành nhà đầu tư để ở lại Việt Nam.

**Về việc thu giấy tờ thủ tục của khách:** L trực tiếp nhận giấy tờ, thủ tục từ khách có nhu cầu nhập cảnh vào Việt Nam, gồm: Hộ chiếu, bằng cấp, xác nhận kinh nghiệm làm việc... Sau đó, L chuyển lại các giấy tờ trên cho Ph để soạn thảo các biểu mẫu trong hồ sơ bảo lãnh. Ph chuyển lại hồ sơ đã soạn thảo cho L. L đã tự ký, đóng dấu tròn của doanh nghiệp bảo lãnh trong hồ sơ, sau đó, chỉ đạo G đi nộp hồ sơ.

**Về việc thu tiền chi phí của khách:** L trực tiếp thỏa thuận với khách chi phí bảo lãnh vào Việt Nam từ 1.000 USD đến 2.000 USD/người. Theo thỏa thuận, khách đến Công ty L nộp tiền đặt cọc, số tiền từ 200 USD đến 700 USD/người để làm thủ tục. Sau khi nhập cảnh vào Việt Nam, khách sẽ chuyển hết số tiền còn lại cho L. Sau khi trừ đi tiền chi phí thực tế khoảng 4 triệu đồng (phí xin visa, giấy phép lao động, khám sức khỏe...), số tiền còn lại L sử dụng. Đến nay, L khai nhận, sau khi trừ đi các chi phí (trả lương nhân viên, chi phí làm thủ tục theo quy định,...), L được hưởng lợi khoảng 150USD/ khách.

Tại Cơ quan điều tra, L khai nhận phù hợp với nội dung nêu trên và nhận thức được việc lợi dụng danh nghĩa Công ty TNHH các dịch vụ C và Công ty TNHH P để hoàn thiện hồ sơ bảo lãnh cho người nước ngoài nhập cảnh, ở lại Việt Nam trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn được hưởng lợi từ việc này nên vẫn thực hiện.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 351/2025/HSST ngày 29/5/2025, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo L 06 (sáu) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/10/2024.

Buộc bị cáo L nộp 26.050.000 (*hai mươi sáu triệu không trăm năm mươi nghìn*) đồng để truy thu nộp ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/6/2025, bị cáo L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì cho rằng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là quá nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L xuất trình Biên lai thu tiền số 0001749 (Biên lai điện tử) của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, thể hiện bị cáo đã nộp 26.050.000 đồng thu lợi bất chính theo quyết định của bản án sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với các lý do: Bị cáo đã nộp khoản tiền thu lợi bất chính và án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo có sức khỏe yếu, nhiều bệnh tật, không đủ sức để thi hành bản án quá dài; bị cáo có mẹ già yếu ở nước Nga, không có người chăm sóc, có con gái ở nước Nga nhưng không biết đang ở địa chỉ cụ thể nào.

Các luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhân thân của bị cáo, hoàn cảnh gia đình, các tình tiết mới (bị cáo nộp tiền thu lợi bất chính; nộp án phí sơ thẩm; nộp các tài liệu thể hiện bị cáo có u tuyến yên, có sức khỏe yếu); bị cáo là người nước ngoài, không hiểu rõ pháp luật Việt Nam; từ đó, áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự (tự nguyện khắc phục hậu quả) và Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm: Tại phiên tòa, bị cáo xuất trình tài liệu cho thấy bị cáo đã nộp 26.050.000 đồng thu lợi bất chính theo quyết định của bản án sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự sơ

thâm thể hiện thái độ chấp hành pháp luật; bị cáo và các luật sư cũng xuất trình tài liệu thể hiện bị cáo bị các bệnh về tiêu hóa, u tuyến yên, sức khỏe không tốt. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt (6 tháng) để bị cáo yên tâm cải tạo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo L làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo, căn cứ lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Trong thời gian nhận tư vấn, quản lý cho Công ty TNHH các dịch vụ C và Công ty TNHH P, năm 2022, bị cáo L đã nhiều lần lợi dụng việc được quản lý dấu tròn của 02 công ty trên để tự ký, đóng dấu của 02 công ty trong hồ sơ bảo lãnh không cho 07 người nước ngoài nhập cảnh với mục đích ở lại Việt Nam trái phép và thu lợi bất chính 1.050 USD (tương đương 26.050.000 đồng). Tòa án cấp sơ thẩm quy kết L phạm tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép” thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Đối với từ 05 người đến 10 người” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật Việt Nam.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có nhân thân tốt, là người nước ngoài đang sinh sống tại Việt Nam. Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Về hình phạt, xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực xuất nhập cảnh và quản lý người lao động nước ngoài tại Việt Nam; bị cáo phạm tội nhiều lần, tổ chức cho nhiều người ở lại Việt Nam trái phép, thuộc trường hợp có khung hình phạt từ 05 năm đến 10 năm tù. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 06 năm tù là cần thiết, không nặng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình tài liệu thể hiện bị cáo đã nộp 26.050.000 đồng thu lợi bất chính theo quyết định của bản án sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo có sức khỏe yếu, bị các bệnh về tiêu hóa, u tuyến yên. Bởi vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo L, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[5] Về án phí, căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án", bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo L; sửa quyết định của Bản án sơ thẩm số 351/2025/HS-ST ngày 29/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về hình phạt đối với bị cáo.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo L 05 (*Năm*) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/10/2024.

2. Xác nhận bị cáo L đã nộp 26.050.000 đồng thu lợi bất chính theo quyết định của bản án sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0001749 (Biên lai điện tử) ngày 22/8/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Bị cáo L không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

### **Nơi nhận:**

- Viện Công tố và KSXXPT tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- Đại sứ quán Nga tại Hà Nội;
- Bị cáo (qua Trại giam);
- Lưu Phòng HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Chu Thành Quang**